

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động, phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật đối với Trạm Y tế phường Hải Dương

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09/01/2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh ;

Căn cứ Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Quyết định số 61/2025/QĐ-UBND ngày 01/07/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thành phố Hải Phòng ;

Căn cứ Quyết định số 2285/QĐ-UBND ngày 18/06/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc uỷ quyền cho Giám đốc Sở Y tế thực hiện giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

Căn cứ hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (Mã hồ sơ: H24.18-260316-180030) ;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 20/04/2026 và biên bản báo cáo khắc phục ngày 29/06/2026 của Đoàn thẩm định thành lập theo Quyết định 1250/QĐ-SYT ngày 30/03/2026 của Giám đốc Sở Y tế Hải Phòng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Nghiệp vụ Y - Sở Y tế, Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Quản lý hành nghề Y được

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thông tin như sau:

- Tên cơ sở khám, chữa bệnh: Trạm Y tế phường Hải Dương;
- Địa chỉ: Số 16+18 Trần Thánh Tông, phường Hải Dương, thành phố Hải Phòng;
- Hình thức tổ chức: Trạm Y tế.
- Số GPHĐ: 001735/HP-GPHĐ do Sở Y tế thành phố Hải Phòng cấp;
- Người chịu trách nhiệm chuyên môn: Phạm Thị Hồng Nhung
- Số CCHN: 0008977/HD-CCHN do Sở Y tế Hải Dương cấp ngày 27/07/2015;
- Thời gian hoạt động: 24/24 giờ.

Điều 2. Phê duyệt phạm vi hoạt động chuyên môn, danh mục kỹ thuật tại cơ sở:

- Phạm vi hoạt động chuyên môn: Thực hiện các danh mục kỹ thuật đã được Sở Y tế phê duyệt và thực hiện các chức năng nhiệm vụ của Trạm Y tế
- Danh mục kỹ thuật: Được thực hiện 166 danh mục kỹ thuật theo Thông tư số 23/2024/TT-BYT ngày 18/10/2024 của Bộ Y tế (*chi tiết theo Phụ lục kèm theo*).

Trạm Y tế phường Hải Dương có trách nhiệm tổ chức, triển khai hoạt động theo phạm vi hoạt động chuyên môn đã được phê duyệt, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các ông (bà): Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng phòng chuyên môn: Quản lý hành nghề Y dược, Nghiệp vụ Y và người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật Trạm Y tế phường Hải Dương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- GĐ và PGĐ Q.Q.Trinh, PGĐ N.T.Tr Chính;
- Phòng TCHC (để đăng tải lên cổng TTĐT);
- Lưu: VT, QLHN (02).



Lê Minh Quang

PHỤ LỤC: PHÊ DUYỆT DANH MỤC KỸ THUẬT CHUYÊN MÔN (TẠI PHỤ LỤC 01 THÔNG TƯ 23/2023/TT-BYT)

THỰC HIỆN TẠI TRẠM Y TẾ PHƯỜNG HẢI DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số:2504 /QĐ-SYT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Sở Y tế Hải Phòng)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT-BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
1	2	3	4	5
1	51	1.51	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Hồi sức chống sốc
2	57	1.57	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thở oxy qua gọng kính
3	64	1.64	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở) cho người lớn và trẻ em
4	65	1.65	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Bóp bóng ambu qua mặt nạ
5	86	1.86	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)
6	158	1.158	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản
7	215	1.215	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Gây nôn cho người bệnh ngộ độc qua đường tiêu hóa
8	251	1.251	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)
9	252	1.252	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Truyền thuốc, dịch tĩnh mạch
10	269	1.269	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng ép bất động sơ cứu rấn cắn
11	270	1.270	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Ga rô hoặc băng ép cầm máu
12	275	1.275	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Băng bó vết thương
13	362	1.362	01. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC	Cấp cứu ngừng tuần hoàn cho người bệnh ngộ độc
14	433	2.31	02. NỘI KHOA	Kỹ thuật vỗ rung dẫn lưu tư thế
15	739	2.337	02. NỘI KHOA	Thụt thuốc qua đường hậu môn
16	1172	3.51	03. NHI KHOA	Ép tim ngoài lồng ngực
17	1228	3.107	03. NHI KHOA	Thủ thuật Heimlich (lấy dị vật đường thở)

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
18	1229	3.108	03. NHI KHOA	Thở oxy gọng kính
19	1324	3.203	03. NHI KHOA	Cầm máu (vết thương chảy máu)
20	1331	3.210	03. NHI KHOA	Tiêm truyền thuốc
21	1604	3.483	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V
22	1605	3.484	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên
23	1643	3.522	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn
24	1648	3.527	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau lưng
25	1649	3.528	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị đau mỏi cơ
26	1650	3.529	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai
27	1651	3.530	03. NHI KHOA	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy
28	1725	3.604	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên
29	1726	3.605	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới
30	1769	3.648	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng
31	1771	3.650	03. NHI KHOA	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm quanh khớp vai
32	1796	3.675	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn
33	1797	3.676	03. NHI KHOA	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn
34	1799	3.678	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn
35	1800	3.679	03. NHI KHOA	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn
36	1806	3.685	03. NHI KHOA	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn
37	1807	3.686	03. NHI KHOA	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn
38	1810	3.689	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
39	1813	3.692	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn
40	1814	3.693	03. NHI KHOA	Cứu điều trị đái dầm thể hàn
41	1815	3.694	03. NHI KHOA	Cứu điều trị bí đái thể hàn
42	1816	3.695	03. NHI KHOA	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn
43	2824	3.1703	03. NHI KHOA	Cắt chỉ khâu da
44	2825	3.1704	03. NHI KHOA	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu
45	2827	3.1706	03. NHI KHOA	Lấy dị vật kết mạc
46	2828	3.1707	03. NHI KHOA	Khám mắt
47	3046	3.1926	03. NHI KHOA	Điều trị viêm lợi do mọc răng
48	3047	3.1927	03. NHI KHOA	Điều trị viêm quanh thân răng cấp
49	3074	3.1955	03. NHI KHOA	Nhổ răng sữa
50	3076	3.1957	03. NHI KHOA	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em
51	3363	3.2245	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ
52	3505	3.2387	03. NHI KHOA	Tiêm trong da
53	3506	3.2388	03. NHI KHOA	Tiêm dưới da
54	3507	3.2389	03. NHI KHOA	Tiêm bắp thịt
55	3508	3.2390	03. NHI KHOA	Tiêm tĩnh mạch
56	3509	3.2391	03. NHI KHOA	Truyền tĩnh mạch
57	4201	3.3083	03. NHI KHOA	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu
58	4651	3.3533	03. NHI KHOA	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang
59	4712	3.3594	03. NHI KHOA	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
60	4939	3.3821	03. NHI KHOA	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản
61	4944	3.3826	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ vết mổ
62	4945	3.3827	03. NHI KHOA	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm
63	5027	3.3909	03. NHI KHOA	Trích rạch áp xe nhỏ
64	5029	3.3911	03. NHI KHOA	Thay băng, cắt chỉ
65	5364	3.4246	03. NHI KHOA	Tháo bột các loại
66	5878	7.225	07. NỘI TIẾT	Thay băng trên người bệnh đái tháo đường
67	5892	7.239	07. NỘI TIẾT	Hướng dẫn kỹ thuật tiêm Insulin
68	5893	7.240	07. NỘI TIẾT	Hướng dẫn tự chăm sóc bàn chân
69	5894	7.241	07. NỘI TIẾT	Tư vấn chế độ dinh dưỡng và tập luyện
70	5940	8.5	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm
71	5941	8.6	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Thủy châm
72	5944	8.9	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu
73	5945	8.10	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chích lễ
74	5962	8.27	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Chườm ngải
75	6213	8.278	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình
76	6217	8.282	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị cảm mạo
77	6218	8.283	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm Amidan
78	6219	8.284	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị trĩ
79	6220	8.285	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt
80	6222	8.287	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
81	6223	8.288	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não
82	6224	8.289	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não
83	6225	8.290	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị cơn đau quận thận
84	6226	8.291	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm bàng quang
85	6227	8.292	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện
86	6228	8.293	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị bí đái cơ năng
87	6229	8.294	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị sa tử cung
88	6230	8.295	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh
89	6231	8.296	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
90	6232	8.297	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não
91	6233	8.298	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp
92	6234	8.299	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị khàn tiếng
93	6235	8.300	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi
94	6236	8.301	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt chi trên
95	6241	8.306	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị lác cơ năng
96	6242	8.307	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông
97	6245	8.310	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị viêm mũi xoang
98	6248	8.313	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp
99	6249	8.314	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị ù tai
100	6250	8.315	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm khứu giác

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
101	6251	8.316	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh
102	6252	8.317	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật
103	6253	8.318	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư
104	6254	8.319	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị giảm đau do zona
105	6255	8.320	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh
106	6326	8.391	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não
107	6327	8.392	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông
108	6328	8.393	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não
109	6331	8.396	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên
110	6332	8.397	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới
111	6333	8.398	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất
112	6335	8.400	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai
113	6336	8.401	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác
114	6337	8.402	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ
115	6341	8.406	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược
116	6342	8.407	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp
117	6343	8.408	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu
118	6344	8.409	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ
119	6345	8.410	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress
120	6346	8.411	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
121	6347	8.412	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh
122	6348	8.413	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tổn thương dây thần kinh V
123	6349	8.414	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên
124	6350	8.415	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí
125	6352	8.417	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng
126	6353	8.418	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực
127	6354	8.419	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình
128	6355	8.420	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực
129	6356	8.421	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị viêm mũi xoang
130	6357	8.422	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản
131	6360	8.425	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn
132	6361	8.426	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng
133	6362	8.427	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nấc
134	6367	8.432	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy
135	6378	8.443	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật
136	6380	8.445	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não
137	6381	8.446	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống
138	6382	8.447	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật
139	6383	8.448	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư
140	6384	8.449	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
141	6386	8.451	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn
142	6387	8.452	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn
143	6388	8.453	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị nấc thể hàn
144	6394	8.459	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn
145	6395	8.460	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn
146	6418	8.483	08. Y HỌC CỔ TRUYỀN	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay
147	13358	13.33	13. PHỤ SẢN	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm
148	13359	13.34	13. PHỤ SẢN	Cắt và khâu tầng sinh môn
149	13361	13.36	13. PHỤ SẢN	Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau
150	13362	13.37	13. PHỤ SẢN	Kiểm soát tử cung
151	13366	13.41	13. PHỤ SẢN	Khám thai
152	13490	13.165	13. PHỤ SẢN	Khám phụ khoa
153	13492	13.167	13. PHỤ SẢN	Làm thuốc âm đạo
154	13522	13.197	13. PHỤ SẢN	Chăm sóc rốn sơ sinh
155	13525	13.200	13. PHỤ SẢN	Bóp bóng ambu, thổi ngạt sơ sinh
156	13553	13.228	13. PHỤ SẢN	Đặt và tháo dụng cụ tử cung
157	13811	14.208	14. MẮT	Thay băng vô khuẩn
158	13812	14.209	14. MẮT	Tra thuốc nhỏ mắt
159	13863	14.260	14. MẮT	Đo thị lực
160	14134	15.222	15. TAI MŨI HỌNG	Khí dung mũi họng
161	14214	15.302	15. TAI MŨI HỌNG	Cắt chỉ sau phẫu thuật

STT	STT THEO TT 23/2024/TT- BYT	MÃ KỸ THUẬT	TÊN CHƯƠNG	TÊN KỸ THUẬT
162	14215	15.303	15. TAI MŨI HỌNG	Thay băng vết mổ
163	17379	23.173	23. HÓA SINH	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]
164	17400	23.194	23. HÓA SINH	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]
165	17401	23.195	23. HÓA SINH	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]
166	17440	23.234	23. HÓA SINH	Đường máu mao mạch